TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 51/2023/DS-PT
Ngày 04 – 5 – 2023
V/v "*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu

Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04-5-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 142/2022/TLPT-DS ngày 09-12-2022 về việc "*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 31-10-2022 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2023/QĐ-PT ngày 08-02-2023; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Đặng Công N**, sinh năm 1987 và bà **Phan Thị Kim H**, sinh năm: 1989; Cùng địa chỉ: 9x đường P, phường X, quận C, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Công T1, sinh năm: 1995; Địa chỉ: 9x đường T, phường Y, quận H, thành phố Đà Nẵng (Văn bản uỷ quyền ngày 27-8-2022); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn Cao, Luật sư của Công ty Luật Hợp danh FDVN; Địa chỉ: 9x đường T, phường Y, quận H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

* *Bị đơn:*

- Bà **Đoàn Thị Thanh T2**, sinh năm 1973, địa chỉ: đường S, tổ xx, phường B, quận L, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- Bà **Phan Thị O**, sinh năm 1991, địa chỉ: 1xxx đường C, quận C, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lê Thanh L, sinh năm 1984, địa chỉ: 7x đường X, quận K, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

- Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ F, địa chỉ: 2xx đường Đ, phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng; *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Trần Ngọc A – Chức vụ: Giám đốc Công Ty; vắng mặt.

- Ông Phan Tấn V1, địa chỉ: 4xx đường B, quận K, thành phố Đà Nẵng; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Người kháng cáo:* Bị đơn là bà Đoàn Thị Thanh T2, bà Phan Thị O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:

* *Nguyên đơn - ông Đặng Công N và bà Phan Thị Kim H trình bày tại Đơn khởi kiện, các bản trình bày, biên bản hoà giải và tại phiên tòa:*

Ông Đặng Công N và bà Phan Thị Kim H thông qua bà Phan Thị O có biết đến bà Đoàn Thị Thanh T2, qua nhiều lần trao đổi giữa các bên đã phát sinh quan hệ hợp tác làm ăn với bà T2 và bà O theo Biên bản thỏa thuận về việc góp vốn đầu tư khu du lịch sinh thái tại Khu vực G, K, tổ xx, phường K, quận L, thành phố Đà Nẵng ngày 06-11-2019 với số tiền góp vốn của ông bà là 1.700.000.000đ, trong đó khởi điểm ông bà góp 200.000.000đ làm nước với hình thức chuyển khoản, sau đó góp thêm số tiền 1.500.000.000đ tiền mặt.

Tuy nhiên việc hợp tác đã không diễn ra theo đúng cam kết nên ông N và bà H đã đề nghị bà T2 và bà O hoàn trả lại số tiền đã góp, bà T2 và bà O đồng ý và cam kết thời gian trả lại cho ông bà số tiền 1.700.000.000đ chậm nhất là ngày 30-6-2020. Tuy nhiên đến thời hạn trả nợ, bà T2 và bà O vẫn không trả, mặc dù ông N và bà H đã nhiều lần gặp mặt, điện thoại nhưng vẫn không có thiện chí thanh toán.

Ngoài ra, trong quá trình góp vốn đầu tư khu du lịch sinh thái G nói trên thì ông Đặng Công N và bà Phan Thị Kim H cần chuyển nhượng lại thửa đất số 1xxx, tờ bản đồ số 1x, địa chỉ tại Thôn L, xã T, huyện V, thành phố Đà Nẵng, diện tích 103m^2 và bà T2, bà O đã đề nghị nhận chuyển nhượng lại thửa đất này với mức giá 1.000.000.000đ, vì không có tiền nên bà T2 và bà O đã lập giấy cam kết ghi ngày 17-10-2019 với nội dung "Trong thời gian 03 tháng bà O và bà T2 phải trả đủ số tiền 1.000.000.000đ và phải chịu số tiền lãi phát sinh là 12,5%/năm với số tiền hằng tháng là 10.420.000đ ..". Đến hạn trả nợ ngày 17-01-2020, bà T2 và bà O vẫn không trả tiền như cam kết. Qua nhiều lần đòi nợ, đến ngày 28-12-2020, bà

T2 và bà O đã trả cho ông bà số tiền 500.000.000đ, các bên đã lập Giấy nhận tiền ghi ngày 28-12-2020, số tiền còn lại 500.000.000đ, bà T2 và bà O vẫn chưa trả.

Do bà T2 và O đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Biên bản làm việc ngày 20-01-2020 và Giấy cam kết ngày 17-10-2019 với tổng số tiền nợ 2.200.000.000đ. Trong đó :

- Khoản nợ 1.700.000.000đ là tiền góp vốn tại Dự án Khu du lịch sinh thái Khu vực G, K.

- Khoản nợ 500.000.000đ là tiền nhận chuyển nhượng lô đất tại Thôn L, xã T, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

Do bà Phan Thị O và bà Đoàn Thị Thanh T2 không có thiện chí thanh toán cho ông bà số tiền đã cam kết trả nên ông Đặng Công N và bà Phan Thị Kim H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T2 và bà O phải liên đới hoàn trả lại số tiền 2.808.298.400đ, trong đó nợ gốc là 2.200.000.000đ (1.700.000.000đ + 500.000.000đ) và nợ lãi tạm tính đến ngày 01.10.2021 là 608.298.400đ (Lãi đối với khoản nợ 1.700.000.000đ là 441.578.400đ và lãi đối với khoản nợ 500.000.000đ là 166.720.000đ).

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn của trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bà Đoàn Thị Thanh T2 và bà Phan Thị O phải liên đới trả toàn bộ số tiền nợ gốc 2.200.000.000đ và nợ lãi tạm tính đến ngày 30-10-2022 là 1.025.931.505đ (Lãi đối với khoản nợ 1.700.000.000đ là 792.712.328đ và lãi đối với khoản nợ 1.000.000.000đ là 118.493.150đ và khoản nợ 500.000.000đ là 114.726.027đ). Tổng cộng là: 3.225.931.505đ.

** Bị đơn - bà Đoàn Thị Thanh T2 trình bày Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án:*

Ông Đặng Công N và bà Phan Thị Kim H là bạn của bà Phan Thị O, trước đây là nhân viên của bà T2. Năm 2019, bà T2 có chung tiền với bạn để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu du lịch sinh thái R thuộc G, S tại tổ 01, phường B, quận L, thành phố Đà Nẵng. Do có mối quan hệ quen biết nên bà O đã giới thiệu vợ chồng ông N và ông Phan Tấn V1 cùng tham gia góp vốn. Có 05 người cùng chung mua đất dự án với số tiền 7.000.000.000đ, mỗi người 1.000.000.000đ, còn lại 3.000.000.000đ, tuy nhiên dự án này không làm được. Sau đó ông Đặng Công N và bà Phan Thị Kim H cùng bà O, ông V1 vào tham gia góp vốn để thối trả lại tiền cho 03 người còn lại là ông Đ, bà V2 và bà T3. Lúc đó, khu đất này được định giá 10.000.000.000đ, các bên thỏa thuận góp vốn 14%, riêng vợ chồng ông N góp 1.700.000.000đ, ông V1 góp 1.700.000.000đ để thối trả lại cho ông Đ, ông T4, bà T3 và bà V2 trước đó, đồng thời có mua thêm lô đất của ông M với số tiền 1.000.000.000đ.

Ngoài ra, đối với thửa đất số 1xxx, tờ bản đồ số 1x, tại thôn L, xã T, huyện V, thành phố Đà Nẵng, diện tích 103m^2 là 1.000.000.000đ của vợ chồng ông N, bà T2 đã nhận chuyển nhượng và đã trả số tiền 500.000.000đ.

Nay bà Đoàn Thị Thanh T2 thừa nhận số tiền vốn góp đã nhận của ông Đặng Công N và bà Phan Thị Kim H là 1.700.000.000đ và số tiền còn nợ lại khi nhận chuyển nhượng lô đất trên là 500.000.000đ. Tuy nhiên, hiện nay bà T2 sức khỏe yếu nên không đủ năng lực trả nợ, đồng thời số tiền trên đã được sử dụng chung nhau mua lại đất, nên bà T2 có phương án: Chuyển nhượng lại phần đất đã hợp tác kinh doanh hoặc chia đất theo tỉ lệ phần trăm góp vốn.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà Đoàn Thị Thanh T2 trình bày: Bà thừa nhận và chấp nhận cùng với bà Phan Thị O trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền 2.200.000.000đ nhưng không đồng ý trả lãi. Đồng thời có phương án sẽ bán đất hoặc chia lại phần đất đã góp vốn vào dự án để trả lại phần vốn góp cho ông Đặng Công N và bà Phan Thị Kim H.

** Bị đơn - bà Phan Thị O trình bày Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án:*

Bà Phan Thị O, bà Đoàn Thị Thanh T2, vợ chồng ông Đặng Công N và bà Phan Thị Kim H có góp vốn đầu tư vào khu du lịch sinh thái của bà Đoàn Thị Thanh T2 tại khu vực Kim Liên, tổ xx, phường B, quận L, thành phố Đà Nẵng. Theo đó, phần vốn góp 200.000.000đ của ông N và bà H đã được chuyển vào Dự án Khu du lịch sinh thái khu vực K, như vậy tổng vốn góp của vợ chồng ông N và bà H là 1.700.000.000đ.

Bà O cũng là thành viên góp vốn trong quan hệ hợp tác làm ăn này, số tiền 1.700.000.000đ nhận của ông N, bà H bao gồm chuyển khoản và giao tiền mặt, đã được bà O giao toàn bộ cho bà Đoàn Thị Thanh T2.

Ngoài ra, trong việc giao dịch thửa đất số 1xxx, tờ bản đồ số 1x, tại thôn L, xã T, huyện V, thành phố Đà Nẵng, diện tích 103m^2, có giá trị 1.000.000.000đ, bà O có ký vào Giấy cam kết ngày 17-10-2019. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Công N và bà Phan Thị Kim H yêu cầu bà Phan Thị O, bà Đoàn Thị Thanh T2 phải thanh toán tổng số tiền 2.200.000.000đ (1.700.000.000đ + 500.000.000đ) và nợ lãi tạm tính đến ngày 01.10.2021 là 608.298.400đ (Lãi đối với khoản nợ 1.700.000.000đ là 441.578.400đ và lãi đối với khoản nợ 500.000.000đ là 166.720.000đ) thì bà O không đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án bà Phan Thị O không đồng ý trả lại số tiền 2.200.000.000đ cho nguyên đơn, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, bà O thừa nhận và chấp nhận cùng với bà Đoàn Thị Thanh T2 trả lại cho nguyên đơn toàn bộ khoản tiền nợ gốc 2.200.000.000đ nhưng không đồng ý trả lãi.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Thanh L, ông Phan Tấn V1 và Công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ F vắng mặt nên không có văn bản trình bày ý kiến.

** Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Đối với nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 280 và 288 Bộ luật Dân sự; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đoàn Thị Thanh T2 và bà Phan Thị O phải liên đới trả cho ông Đặng Công N và bà Phan Thị Kim H toàn bộ số tiền 3.225.931.505đ. Trong đó, tiền nợ gốc là 2.200.000.000đ và nợ lãi tạm tính đến ngày 30-10-2022 là 1.025.931.505đ (Lãi đối với khoản nợ 1.700.000.000đ là 792.712.328đ và lãi đối với khoản nợ 1.000.000.000đ là 118.493.150đ và khoản nợ 500.000.000đ là 114.726.027đ).

** Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 31-10-2022 như sau:*

Căn cứ các Điều 117, 275, 280, 288 và điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Công N và bà Phan Thị Kim H về việc "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

Xử: Buộc bà Đoàn Thị Thanh T2 và bà Phan Thị O phải liên đới trả cho ông Đặng Công N và bà Phan Thị Kim H số tiền 3.225.931.505đ. Trong đó, tiền nợ gốc là 2.200.000.000đ và nợ lãi tạm tính đến ngày 30-10-2022 là 1.025.931.505đ.

Kể từ ngày ông Đặng Công N và bà Phan Thị Kim H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Đoàn Thị Thanh T2 và bà Phan Thị O không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như thỏa thuận thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm :

- Bà Đoàn Thị Thanh T2 và bà Phan Thị O phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000 đồng + 1.225.931.505đ x 2% = 96.518.630đ.

- Hoàn trả cho ông Đặng Công N và bà Phan Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí 44.082.984đ đã nộp tại biên lai thu số 0000074 ngày 05-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

** Đơn kháng cáo:*

- Ngày 14-11-2022, bà Đoàn Thị Thanh T2 có Đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm nói trên và yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xử không chấp nhận tiền lãi do đây là tiền góp vốn làm ăn và về số tiền 500.000.000đ trong tiền chuyển nhượng đất thì phần của bà đã thanh toán xong nên bà không phải trả nữa.

- Ngày 15-11-2022, bà Phan Thị O có Đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn do bà không có trách nhiệm gì trong vụ án này, việc bà ký vào các giấy tờ là do bị ông Đặng Công N ép buộc.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bị đơn - bà Đoàn Thị Thanh T2 và bà Phan Thị O do không có căn cứ; áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Thanh L, Công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ F đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Ông Phan Tấn V1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Xét đơn kháng cáo của bà Đoàn Thị Thanh T2:

[2.1] Bà Đoàn Thị Thanh T2 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm vì cho rằng số tiền 1.700.000.000đ là tiền vợ chồng ông Đặng Công N và bà Phan Thị Kim H góp vốn đầu tư chung với bà chứ không phải là tiền bà vay mượn và việc bà cam kết trả lãi 20% tại Biên bản làm việc ngày 20-01-2020 là do bị ép buộc.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Nguồn gốc phát sinh số tiền 1.700.000.000đ đúng là từ việc ông Đặng Công N và bà Phan Thị Kim H góp vốn đầu tư dự án Khu du lịch sinh thái R thuộc G, S tại tổ 01, phường B, quận L, thành phố Đà Nẵng với bà T2 và một số người khác đúng như bà T2 trình bày. Tuy nhiên, sau khi các bên tiến hành thực hiện dự án thì phát sinh mâu thuẫn nên đã kết thúc việc hợp tác và thoả thuận các nội dung về việc thanh toán cho nhau. Như vậy, đối với dự án này giữa hai bên chỉ còn lại nghĩa vụ thanh toán nên ông N, bà H có quyền khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị Thanh T2, bà Phan Thị O phải thực hiện nghĩa vụ theo số tiền, lãi suất, thời gian thanh toán đã thoả thuận tại Biên bản làm việc ngày 20-01-2020 là phù hợp pháp luật.

Hồ sơ vụ án không có tài liệu nào thể hiện việc bà Đoàn Thị Thanh T2 bị ép buộc phải ký Biên bản làm việc ngày 20-01-2020 và tại giai đoạn xét xử phúc

thẩm bà T2 cũng không cung cấp bổ sung chứng cứ gì chứng minh vấn đề này. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bà T2 thừa nhận đã nhận của ông N, bà H số tiền 1.700.000.000đ và đồng ý cùng với bà Phan Thị O thanh toán cho ông N, bà H nhưng chỉ không chấp nhận tính lãi. Do vậy, phần trình bày bị ép buộc như trên của bà T2 là không có căn cứ.

[2.2] Bà Đoàn Thị Thanh T2 còn có kháng cáo về số tiền 1.000.000.000đ (đã trả được 500.000.000đ, còn lại 500.000.000đ) theo Giấy cam kết ngày 17-10-2019 mà Toà án sơ thẩm xử buộc bà T2 và bà Phan Thị O phải trả cho ông Đặng Công N, bà Phan Thị Kim H từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất tại thôn L, xã T, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Bà T2 cho rằng phần nghĩa vụ của bà là 500.000.000đ đã thanh toán xong nên bà không phải trả số tiền còn lại cho ông N, bà H. Bà T2 có xuất trình Giấy nhận tiền ngày 28-12-2020 thể hiện nội dung này. Tuy nhiên, tại Giấy cam kết ngày 17-10-2019 quy định trách nhiệm cùng thanh toán của bà T2, bà O đối với ông N, bà H nhưng nay bà T2 trả riêng cho ông N, bà H mà không được bà O thừa nhận tại phiên toà phúc thẩm nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đây là số tiền bà T2 trả riêng. bà T2 vẫn phải chịu trách nhiệm liên đới với bà O đối với 500.000.000đ còn lại chưa thanh toán cho ông N, bà H.

[3] Xét đơn kháng cáo của bà Phan Thị O:

[3.1] Bà Phan Thị O kháng cáo đối với số tiền 1.700.000.000đ cùng tiền lãi mà Toà án cấp sơ thẩm xử buộc bà phải trả là tiền góp vốn đầu tư chứ không phải tiền vay mượn và bà đã yêu cầu Toà án triệu tập bà Phạm Thị Q tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do bà Q là một trong năm người tham gia góp vốn đầu tư nhưng không được cấp sơ thẩm chấp nhận. bà O cũng cho rằng ông Đặng Công N đã dùng thủ đoạn để ép buộc bà phải ký các Biên bản thoả thuận ngày 06-11-2019 và Biên bản làm việc ngày 20-01-2020.

Đây là nội dung kháng cáo tương tự như của bà Đoàn Thị Thanh T2. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, số tiền 1.700.000.000đ tại Biên bản làm việc ngày 20-01-2020 không còn là tiền góp vốn đầu tư dự án của ông Đặng Công N, bà Phan Thị Kim H với bà Đoàn Thị Thanh T2, bà Phan Thị O mà giữa hai bên chỉ còn lại nghĩa vụ thanh toán và việc bà O cho rằng bị ép buộc ký biên bản cũng như bà T2 là không chứng minh được. Đồng thời, ông N, bà H cũng chỉ khởi kiện yêu cầu bà T2, bà O thực hiện nghĩa vụ thanh toán như thoả thuận chứ không tranh chấp về việc góp vốn đầu tư nên Toà án cấp sơ thẩm không đưa các thành viên góp vốn còn lại tham gia tố tụng là phù hợp.

[3.2] Bà Phan Thị O kháng cáo đối với toàn bộ số tiền Toà án cấp sơ thẩm xử buộc bà phải chịu trách nhiệm thanh toán cùng với bà T2 cho ông N, bà H là không đúng do bà T2 đã thoả thuận với bà O sẽ chịu mọi trách nhiệm đối với những khoản tiền này, không liên quan gì tới bà O.

Hội đồng xét xử xét thấy, đúng là giữa bà T2 và bà O có lập với nhau văn bản thoả thuận ngày 23-01-2021 có nội dung như bà O trình bày ở trên. Tuy nhiên, việc thoả thuận này không được bên có quyền là ông N, bà H đồng ý, không phù hợp với quy định của Điều 370 Bộ luật dân sự về chuyển giao nghĩa vụ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. bà O đã cùng với bà T2 xác nhận nghĩa vụ thanh

toán cho ông N, bà H theo Giấy cam kết ngày 17-10-2019 là 1.000.000.000đ (đã trả được 500.000.000đ, còn lại 500.000.000đ) và theo Biên bản làm việc ngày 20-01-2020 là 1.700.000.000đ nên phải chịu trách nhiệm liên đới cùng với bà T2.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Công N và bà Phan Thị Kim H về việc "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"; Buộc bà Đoàn Thị Thanh T2 và bà Phan Thị O phải liên đới trả cho ông N và bà H số tiền 3.225.931.505đ, gồm tiền nợ gốc là 2.200.000.000đ và nợ lãi tạm tính đến ngày 30-10-2022 là 1.025.931.505đ là có căn cứ pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của bà Đoàn Thị Thanh T2 và bà Phan Thị O, giữa nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Thị Thanh T2 và bà Phan Thị O không được chấp nhận nên các đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[6] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa hôm nay là phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 148, Điều 293, Khoản 3 Điều 296, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 117, 275, 280, 288 và điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận Đơn kháng cáo của bà Đoàn Thị Thanh T2 và bà Phan Thị O.

I. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 31-10-2022 của Tòa án nhân dân quận quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Công N và bà Phan Thị Kim H về việc *"*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

Xử: Buộc bà Đoàn Thị Thanh T2 và bà Phan Thị O phải liên đới trả cho ông Đặng Công N và bà Phan Thị Kim H số tiền 3.225.931.505đ (ba tỷ, hai trăm hai mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi mốt nghìn, năm trăm lẻ năm đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 2.200.000.000đ (hai tỷ, hai trăm nghìn đồng) và nợ lãi tạm tính đến ngày 30-10-2022 là 1.025.931.505đ (một tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi mốt nghìn, năm trăm lẻ năm đồng).

Kể từ ngày ông Đặng Công N và bà Phan Thị Kim H có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Đoàn Thị Thanh T2 và bà Phan Thị O không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như thỏa thuận thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm :

- Bà Đoàn Thị Thanh T2 và bà Phan Thị O phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 72.000.000 đồng + 1.225.931.505đ x 2% = 96.518.630đ (chín mươi sáu triệu, năm trăm mười tám nghìn, sáu trăm ba mươi đồng).

- Hoàn trả cho ông Đặng Công N, bà Phan Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí 44.082.984đ (bốn mươi bốn triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, chín trăm tám mươi bốn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0000074 ngày 05-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

II. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đoàn Thị Thanh T2 và bà Phan Thị O mỗi người phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu số 0005593 ngày 28-11-2022 và số 0005584 ngày 23-11-2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; đã nộp xong.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND Q.Liên Chiểu, TPĐN;
- Chi cục THADS Q.Liên Chiểu, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Thanh Mai